TIÊU ĐỀ TIẾNG VIỆT CỦA BÀI BÁO ĐƯỢC VIẾT IN HOA CỠ CHỮ 13

FONT TIMES NEW ROMAN

TIÊU ĐỀ TIẾNG ÁNH CỦA BÀI BÁO ĐƯỢC VIẾT HOA CỠ CHỮ 13

FONT TIMES NEW ROMAN

TÊN TÁC GIẢ1\*, CỠ CHỮ 12 FONT TIMES NEW ROMAN2

1Tên Khoa.Viện, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

2Căn giữa, chữ in nghiêng, cỡ chữ 12 font Times New Roman

\*Email liên hệ: abc@vimaru.edu.vn

|  |
| --- |
| **Tóm tắt**  Phần này tóm tắt mục đích của bài viết, giúp độc giả nhận biết bài viết có phù hợp với đề tài mình họ đang quan tâm không, dữ liệu trình bày và kết luận chính của tác giả. Tóm tắt ngắn gọn của bản thảo bài đăng có độ dài tối thiểu 100 từ và không quá 300 từ, sử dụng style JMST\_Abstracst.  **Từ khóa**: Liệt kê các từ khóa cách nhau bằng dấu phẩy*, style JMST\_Keywords.*  **Abstract**  This example of the paper illustrates how to layout your paper for the proceedings. An abstract of your contribution should be placed here. The abstract should be at least 100 words and no more than 300 words and it should not include any pictures and equations. The first line of the abstract should not be indented. Style JMST\_Abstracst.  **Keywords**:Paper, *style JMST\_Keywords.* |

1. Mở đầu

Nội dung của bản thảo bài đăng sử dụng font chữ chuẩn cho toàn bộ bài là Times New Roman với cỡ chữ 10, viết bình thường và dóng cột đều hai bên. Sử dụng style JMST\_Content.

Một bài báo khoa học phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung sau:

- Đầu đề của bài báo: Đầu đề của bài báo khoa học là tên gọi của bài viết đó, thường từ 10-15 từ. Nó phản ánh nội dung chính của bài viết và đề cập thẳng vấn đề muốn giải quyết và dùng những từ chủ yếu (keywords) để những ai nghiên cứu trong cùng một lĩnh vực có thể nhận biết được.

- Tên tác giả: Sau đầu đề bài báo là tên tác giả. Có ghi chú chức danh, học hàm, học vị, nơi làm việc.

- Tóm tắt: Phần này tóm tắt mục đích của bài viết, giúp độc giả nhận biết bài viết có phù hợp với đề tài mình họ đang quan tâm không, dữ liệu trình bày và kết luận chính của tác giả.

- Giới thiệu: Trong phần này, tác giả xác định: Lý do thực hiện nghiên cứu, Những kiến thức nào đã có trước đề tài này?

- Phương pháp nghiên cứu: tác giả trình bày các phương pháp nghiên cứu và nêu vắn tắt từng phương pháp nghiên cứu mà tác giả đã sử dụng để thực hiện nghiên cứu.

- Kết quả: Mục này trình bày những kết quả đạt được thông qua quá trình nghiên cứu.

- Kết luận: Nêu lên những kết luận về những nội dung chính của công trình khoa học.

- Tài liệu tham khảo: Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục tài liệu tham khảo.

Hạn chế viết tắt quá nhiều trong nội dung bản thảo bài gửi đăng.

Khi bản thảo bài đăng chia ra nhiều mục lớn, tiêu đề của từng mục (ví dụ: 1. Phần mở đầu) được viết bằng Style có tên JMST-Section dùng font Times New Roman, cỡ 11 viết đậm.

Khi chuyển mục, khoảng cách so với mục tiếp theo luôn là 1 dòng. Giữa hai khối (block) chữ không để khoảng cách trống. Dòng bắt đầu block mới không được viết thụt vào.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nên tránh các chú thích chân trang, thay vào đó là sử dụng trích dẫn với số thứ tự nguồn trích đã được đánh số trong Mục Tài liệu tham khảo.

Không sử dụng quá nhiều trích dẫn trực tiếp được đặt trong cặp dấu “…”.

3. Kết quả và bàn luận

Bảng và hình vẽ minh họa nên được để cùng trang với phần văn bản diễn giải bình luận. Mỗi bảng và hình vẽ cần có phần chú thích hoặc chú dẫn nguồn số liệu (nếu có). Nên đánh số tên bảng và hình vẽ theo thứ tự tăng dần theo trình tự nội dung của bản thảo bài đăng.

3.1. Bảng

Các bảng nên được thể hiện như trong Bảng 1. Nếu có nhiều hơn một bảng được sử dụng, bố trí bảng phải nhất quán trong cả bài báo. Tiêu đề của bảng để ở trên bảng (đầu bảng). Để khoảng cách giữa văn bản và Bảng là 1 dòng. Một đường ngang nên được đặt bên dưới tiêu đề bảng và nếu có ghi chú nguồn trích dẫn nên để dưới bảng.

Bảng 1. Ví dụ về bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tham số | Giá trị | Đơn vị |
| *m* | 1.0 | kg |
| *c* | 0.02 | N s/m |
| *k* | 1.5 | N/m |

Nguồn:[ JMST\_Source]….

Nếu một bảng quá dài không vừa một cột (1 trang), số của bảng và các đề mục nên được viết lặp lại trên các trang tiếp theo trước khi bảng được tiếp tục. Ngoài ra, nếu bảng quá rộng có thể sử dụng trong cả hai cột.

3.2. Các đồ thị, hình vẽ

Đồ thị hoặc hình vẽ phải được chuẩn bị trên máy tính. Hai minh họa nhỏ có thể đặt cạnh nhau như thể hiện trong Hình 1 và 2. Tất cả các hình ảnh minh họa sẽ được hiển thị rõ ràng bằng cách để lại một khoảng trống bên trên và bên dưới.

Tất cả các ký hiệu và chữ nên sử dụng cỡ 10pt, font Times New Roman như trong văn bản chính.

Nếu một hình vẽ quá lớn không vừa một cột thì có thể sử dụng trong cả hai cột.

Số hình và tiêu đề (ví dụ: Hình 1. Tiêu đề hình) nên được để ở dưới của hình. Số hình và tiêu đề nên căn lề giữa.

sampleFig1

***Hình 1. Lettering should be not smaller than 10-point Times New Roman font***

4. Công thức toán học

sampleFig2

Hình 2. Lettering is too small

Công thức toán học nên được thụt vào 0,5 cm tính từ lề trái và phải được cách trước và sau một dòng trống:



Nếu các công thức toán học được đánh số, phải chắc chắn rằng các số được đánh liên tục. Đặt các con số trong ngoặc tròn () và căn lề phải.

5. Kết luận

Cuối bản thảo bài đăng thường có mục kết luận. Kết thúc bài là mục “Tài liệu tham khảo” theo mẫu dưới đây. Cần chú ý: Tên của tài liệu trích dẫn phải được viết nghiêng.

Bản thảo bài đăng không quá 05 trang.

Lời cảm ơn (nếu có)

Lời cảm ơn để sau kết luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh sách các tài liệu tham khảo được trích dẫn trong bản thảo bài đăng sẽ xuất hiện ở phần cuối của bài báo. Không nên bắt đầu trên một trang mới. Tài liệu tham khảo cần được chuẩn bị theo các đặc điểm kỹ thuật sau đây:

Tài liệu tham khảo phải được xác định bởi số Ả Rập trong ngoặc vuông, ví dụ [1] và đánh số liên tiếp theo thứ tự mà chúng được đề cập lần đầu trong nội dung bản thảo bài đăng.

Danh sách tài liệu tham khảo nên được sắp xếp theo thứ tự tăng dần số với tên của các tác giả, tên đầy đủ của bài viết được trích dẫn và tên của tạp chí trong đó nó được xuất bản.

Cách trích dẫn tài liệu tham khảo như [2,3].

**Ví dụ**:

[1] Anderson, J.C. and Narus, J.A. (1990), *“A model of distributor firm and manufacturer firm working partnerships”*, Journal of Marketing, Vol. 54 No. 1, pp. 42-58.

[2] Anderson, E. and Weitz, B. (1989), *“Determinants of continuity in conventional industrial channel dyads”*, Marketing Science, Vol. 8 No. 4, pp. 310-23.

[3] Currall, S.C. and Judge, T.A. (1995), *“Measuring trust between organizational boundary role persons”*, Organizational Behavior and Human Decision Processes, Vol. 64, pp. 151-70.

[4] Davenport, T.H. and Prusak, L. (1998), Working Knowledge, Harvard Business School Press, Boston, MA.

[5] Dyer, J.H. and Nobeoka, K. (2000), *“Creating and managing a high-performance knowledge-sharing network: the Toyota case”*, Strategic Management Journal, Vol. 21 No. 3, pp. 345-67.

[6] Dyer, J.H. and Singh, H. (1998*), “The relational view: cooperative strategy and sources of interorganizational competitive advantage”*, The Academy of Management Review, Vol. 23 No. 4, pp. 660-79.

[7] Gaski, J.F. (1984), *“The theory of power and conflict in channels of distribution”*, Journal of Marketing, Vol. 48 No. 3, pp. 9-29.

[8] Gilbert, M. and Cordey-Hayes, M. (1996), *“Understanding the process of knowledge transfer to achieve successful technological innovation”*, Technovation, Vol. 16 No. 6, pp. 301-12.

[9] Haldin-Herrgard, T. (2000), *“Difficulties in diffusion of tacit knowledge in organizations”*, Journal of Intellectual Capital, Vol. 1 No. 4, pp. 357-65.

[10] Halldorsson, A., Kotzab, H., Mikkola, J.H. and SkjottLarsen, T. (2007), “Complementary theories to supply chain management”, Supply Chain Management, Vol. 12 No. 4, pp. 284-96.